KIỂM SOÁT ỦY QUYỀN LẬP PHÁP TRONG GIỚI HẠN QUYỀN - TỪ CHUẨN MỰC QUỐC TẾ ĐẾN THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN TRƯỜNG SƠN*

Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định quyền con người, quyền công dân chỉ bị hạn chế theo quy định của luật. Tuy nhiên, thực tiễn lập pháp Việt Nam vẫn tồn tại phổ biến hiện tượng luật khung, điều khoản ủy quyền lập pháp chung chung và chưa tương thích với tiêu chuẩn theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR). Bài viết phân tích các chuẩn mực quốc tế về giới hạn quyền, đối chiếu với thực trạng ủy quyền lập pháp tại Việt Nam, đặc biệt là tình trạng "ủy quyền trắng" và sử dụng chỉ thị, công văn trong đại dịch Covid-19. Từ đó, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền.

Từ khóa: *Giới hạn quyền; ủy quyền lập pháp; ICCPR; Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); nguyên tắc pháp quyền.*

Clause 2, Article 14 of the 2013 Constitution stipulates that human rights and citizens' rights may be restricted only by law. However, legislative practice in Vietnam continues to exhibit the widespread use of framework laws and broadly worded legislative delegation clauses that are not fully compatible with the standards set forth in the International Covenant on Civil and Political Rights (ICCPR). The article analyzes international standards governing limitations on rights and compares them with current legislative delegation practice in Vietnam, particularly the phenomenon of "blank delegation" and the use of directives and administrative dispatches during the COVID-19 pandemic. Based on this analysis, the article proposes recommendations to improve mechanisms for controlling state power in accordance with the rule-of-law principle.

Keywords: *Limitations on rights; legislative delegation; ICCPR; 2013 Constitution (amended and supplemented in 2025); rule-of-law principle.*

NGÀY NHẬN: 27/3/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 22/5/2026 NGÀY DUYỆT: 18/6/2026

DOI: https://doi.org/10.59394/qlnn.365.2026.1539

1. Đặt vấn đề

Khoản 2 Điều 14 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thiết lập một nguyên tắc quan trọng: "Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng". Quy định này cho thấy, chỉ Quốc hội, với tư cách là cơ quan đại biểu cao

* *ThS, Trường Đại học Thủ Dầu Một*

nhất của Nhân dân mới có thẩm quyền quyết định các ranh giới giới hạn quyền nhằm ngăn chặn sự tùy tiện từ phía các cơ quan nhà nước, bảo đảm việc giới hạn quyền phải dựa trên cơ sở nghiên cứu, cân nhắc cẩn thận của Quốc hội.

Tuy nhiên, thực tiễn lập pháp, lập quy tại Việt Nam cho thấy, một lượng lớn các quy định chi tiết về giới hạn quyền lại nằm trong các nghị định hoặc thông tư. Thực tế này nảy sinh khi Quốc hội thực hiện việc ủy quyền lập pháp rộng rãi cho Chính phủ và các bộ, cho phép các văn bản dưới luật trực tiếp đặt ra các điều kiện giới hạn quyền của người dân[1]. Trong tình huống khẩn cấp như đại dịch Covid-19, việc sử dụng thường xuyên và rộng rãi các "chỉ thị", "công văn" là những văn bản không nằm trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để áp đặt các biện pháp giới hạn quyền tự do đi lại, quyền hội họp và quyền kinh doanh đã dẫn đến những lo ngại về tính hợp hiến và hợp pháp của các biện pháp này[2]. Ngoài ra, các điều khoản ủy quyền có tính chất chung chung với cụm từ "theo quy định của pháp luật" đã tạo ra không gian tùy nghi cho các cơ quan hành chính trong việc giải thích và áp dụng các quy định về giới hạn quyền[3], tạo ra kẽ hở cho các văn bản lập quy can thiệp vào không gian tự do cá nhân mà không dựa trên sự dự liệu một cách rõ ràng của luật, dẫn đến nguy cơ quyền hiến định bị "cắt xén" một cách không hợp lý[4].

Bài viết tập trung luận giải các chuẩn mực quốc tế về tiêu chuẩn được quy định bởi "luật", đối chiếu với thực tiễn Việt Nam để kiến nghị các giải pháp kiểm soát quyền lực, bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu quản lý nhà nước và việc bảo vệ các quyền tự do cơ bản của cá nhân trong hoạt động ủy quyền lập pháp về giới hạn quyền con người.

2. Chuẩn mực quốc tế và nguyên tắc bảo lưu lập pháp về giới hạn quyền

Theo Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), việc các quốc gia đặt ra các giới hạn đối với quyền con người không được xem là hành vi xâm phạm mà thực chất là một cách thức để bảo vệ quyền và tự do của con người nói chung, của chính chủ thể bị giới hạn quyền nói riêng, cũng như lợi ích chung của cộng đồng[5]. Tuy nhiên, để bảo đảm tính chính đáng, các chuẩn mực quốc tế đã xây dựng nên những rào cản rất nghiêm ngặt nhằm phòng ngừa sự lạm dụng quyền lực từ phía nhà nước thông qua các tiêu chuẩn về hình thức và nội dung pháp lý của văn bản giới hạn quyền.

Thứ nhất, tiêu chuẩn được quy định bởi luật theo chuẩn mực quốc tế. Theo Điều 18(3), 19(3), 21, 22 và một số điều khoản khác của ICCPR thì bất kỳ sự giới hạn nào đối với các quyền tự do cơ bản, như: quyền tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, hội họp hay lập hội đều phải được "quy định bởi luật"[6]. Tiêu chuẩn này không chỉ đơn thuần được hiểu là cần có sự tồn tại của một văn bản luật về giới hạn quyền mà còn đòi hỏi các yêu cầu rất nghiêm ngặt về chất lượng của luật để hạn chế tối đa sự tùy tiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ Bình luận chung có liên quan của Ủy ban Nhân quyền Liên Hợp quốc và Nguyên tắc Siracusa có thể thấy, yêu cầu này bao hàm các nội dung cơ bản sau:

(1) Tính công khai và khả năng tiếp cận. Luật phải được ban hành và công bố một cách công khai để mọi cá nhân đều có thể tìm, đọc hiểu nội dung và điều chỉnh hành vi của mình. Những quy định tồn tại dưới dạng bí mật không thể được sử dụng làm căn cứ để giới hạn quyền con người, vì chúng đã tước bỏ khả năng để các chủ thể có liên quan kiểm soát tính hợp pháp và ngăn chặn sự lạm dụng từ phía chính quyền. Nói cách khác, một quy định không được công khai hoặc người dân không thể tiếp cận thì không thể được coi là "luật" vì tạo ra rủi ro của sự lạm quyền.

(2) Tính minh bạch và xác định. Yêu cầu này đòi hỏi quy phạm pháp luật giới hạn quyền phải được soạn thảo với độ chính xác

đủ để bảo đảm người dân có thể dự đoán được hậu quả pháp lý khi họ thực hiện một hành vi cụ thể. Sự mơ hồ về ngôn từ được sử dụng trong luật thường sẽ dẫn đến không gian tùy nghi cho các cơ quan quản lý hành chính, dẫn đến tạo ra những kẽ hở cho việc áp dụng pháp luật một cách độc đoán hoặc phân biệt đối xử. Ngoài ra, việc quy định chính xác không chỉ giúp người dân hiểu rõ phạm vi giới hạn quyền để họ tự điều chỉnh hành vi của mình mà còn giúp Tòa án có cơ sở để xác định xem liệu cơ quan nhà nước có vượt quá thẩm quyền khi can thiệp vào các quyền hay không.

(3) Khả năng dự báo. Đây là yêu cầu quan trọng nhất thể hiện mức độ an toàn pháp lý trong một xã hội dân chủ. Luật phải chỉ rõ phạm vi và phương thức thực thi quyền hạn của các cơ quan nhà nước để bảo vệ người dân trước những hành vi xâm phạm tùy tiện từ phía cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Nếu một quy định cho phép cơ quan hành chính nhà nước tự do tùy nghi quyết định mà không có hướng dẫn cụ thể thì không đáp ứng được yêu cầu về khả năng dự báo và phải bị coi là tùy tiện.

Thứ hai, nguyên tắc bảo lưu lập pháp. Nguyên tắc này khẳng định, các quyết định về việc giới hạn quyền con người, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến cốt lõi của quyền phải thuộc thẩm quyền mang tính độc quyền của Quốc hội với tư cách là cơ quan đại diện cao nhất của Nhân dân. Nguyên tắc này bắt nguồn từ tư tưởng cho rằng: "không có luật nếu không có đại diện"[7] trên nền tảng của học thuyết chủ quyền nhà nước thuộc về Nhân dân, tức là chỉ cơ quan do chính người dân bầu ra mới có quyền nhân danh ý chí chung để giới hạn các quyền tự nhiên của con người, qua đó, góp phần bảo đảm các giới hạn đối với tự do cá nhân phải nhận được sự đồng ý của đa số đại diện thông qua một hoặc nhiều quy trình thảo luận công khai và dân chủ. Nguyên tắc bảo lưu lập pháp đặt ra những ranh giới rất chặt chẽ cho việc ủy quyền lập pháp, như:

(1) Thẩm quyền độc quyền đối với các vấn đề quan trọng. Chỉ có Quốc hội mới được phép quy định về các điều kiện phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một quyền hiến định. Bên cạnh đó, các vấn đề liên quan đến địa vị pháp lý căn bản của công dân, đặc biệt là các giới hạn quyền phải được quy định trực tiếp trong văn bản luật. Việc trao quyền cho cơ quan hành pháp tự đặt ra các giới hạn quyền mà không dựa trên các quy định rõ ràng của luật cần phải bị coi là đi ngược lại nguyên tắc phân công quyền lực, dẫn đến sự độc đoán, tùy tiện[8].

(2) Hạn chế ủy quyền chung chung. Việc ủy quyền cho cơ quan hành pháp như Chính phủ hoặc các bộ ban hành quy định chi tiết thi hành luật chỉ nên được coi là hợp hiến khi luật đã xác định một cách rõ phạm vi, mục đích và nội dung cơ bản của sự giới hạn quyền. Theo đó, cơ quan hành pháp chỉ có vai trò cụ thể hóa các thủ tục mang tính kỹ thuật hoặc các tác nghiệp cụ thể mà không được phép thay thế Quốc hội để xác lập các ranh giới mới của quyền con người, quyền công dân. Nếu có sự ủy quyền vượt quá các yêu cầu nêu trên cho cơ quan hành pháp trong việc ban hành các quy định giới hạn quyền sẽ được xem là đi ngược lại nguyên tắc pháp quyền.

(3) Tính bất khả xâm phạm đối với các quyền không thể bị đình chỉ. Theo Điều 4(2) ICCPR, có một nhóm các quyền dân sự cốt lõi, như: quyền sống, quyền không bị tra tấn, quyền không bị bắt làm nô lệ, quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm... được coi là quyền không thể bị đình chỉ ngay cả trong tình trạng khẩn cấp quốc gia. Đối với những quyền này, việc ủy quyền lập pháp phải bị kiểm soát rất nghiêm ngặt để bảo đảm rằng, không một cơ quan quản lý hành chính nhà nước nào có thể nhân danh tình huống khẩn cấp để giới hạn một cách tùy tiện các giá trị cốt lõi của phẩm giá con người[9].

Trên thực tế luật quốc tế vẫn thừa nhận nhu cầu ủy quyền lập pháp để đáp ứng sự phức tạp và thường xuyên biến đổi của thực tiễn quản lý nhà nước nhưng việc ủy quyền này phải trên cơ sở của sự giới hạn rất chặt chẽ. Theo đó, Quốc hội có quyền đặt ra các giới hạn quyền, nhưng không được "nhường" toàn bộ quyền làm luật cho cơ quan hành pháp thông qua các điều khoản ủy quyền chung chung mà có thể gọi là "ủy quyền trắng"[10]. Việc ủy quyền phải được quy định chi tiết trong phạm vi, mục đích và nội dung mà luật đã định sẵn; đồng thời, nghiêm cấm việc "ủy quyền tiếp" cho cơ quan cấp dưới nhằm tránh làm xói mòn trách nhiệm và gây ra sự tùy tiện trong việc quy định các giới hạn đối với quyền. Do đó, nguyên tắc bảo lưu lập pháp không chỉ là vấn đề phân chia thẩm quyền giữa các nhánh quyền lực nhà nước mà còn là cơ chế để bảo vệ nền tảng của tự do cá nhân trước sự xâm phạm của quyền lực hành pháp.

3. Thực trạng ủy quyền lập pháp trong giới hạn quyền tại Việt Nam

Thực tiễn cho thấy, mặc dù khoản 2 Điều 14 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định quyền con người chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật, nhưng hệ thống pháp luật vẫn duy trì tình trạng các quy định về giới hạn quyền nằm trong các văn bản dưới luật.

Một là, sự phổ biến của các điều khoản ủy quyền chung chung. Mặc dù khoản 2 Điều 14 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) dùng từ "luật" nhưng Điều 23 vẫn duy trì cụm từ "theo quy định của pháp luật", thực tế này đã mở rộng thẩm quyền quy định giới hạn quyền cho các cơ quan hành pháp thông qua các văn bản phổ biến là nghị định hoặc thông tư. Trong nhiều luật chuyên ngành, sự xuất hiện của các điều khoản ủy quyền chung chung như cụm từ "theo quy định của pháp luật" hoặc "Chính phủ quy định chi tiết điều này" đã tạo ra những khoảng trống pháp lý. Tình trạng nợ văn bản hướng dẫn khiến nhiều quyền do *Hiến pháp* quy định rơi vào tình trạng "quyền treo", không thể thực thi do thiếu quy định chi tiết. Việc sử dụng thuật ngữ "pháp luật" thay vì chỉ văn bản "luật" trong các điều khoản giới hạn quyền đã phần nào hạ thấp tiêu chuẩn do *Hiến pháp* quy định, từ đó, cho phép cơ quan hành pháp có thẩm quyền tùy nghi trong việc giải thích và áp dụng các quy định giới hạn quyền.

Hai là, tình trạng sử dụng văn bản hành chính để giới hạn quyền trong tình huống khẩn cấp. Thực tiễn Việt Nam thời gian qua cho thấy, tình trạng các văn bản hành chính, như: chỉ thị, công văn chứa đựng các quy phạm trực tiếp giới hạn quyền vượt quá giới hạn cho phép ủy quyền của luật. Trong giai đoạn đại dịch Covid-19, Chính phủ và chính quyền địa phương ban hành hàng loạt chỉ thị, thậm chí là công văn để áp đặt các biện pháp phong tỏa, giới hạn quyền tự do đi lại và quyền kinh doanh. Tại các địa phương, các tỉnh còn ban hành các thông báo hoặc công văn có tính chất ngăn sông cấm chợ làm đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng một cách nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nhưng không có căn cứ pháp luật một cách rõ ràng[11].

Ba là, trong bối cảnh Việt Nam chưa có cơ chế phán quyết *Hiến pháp* độc lập, cũng như không có cơ quan chuyên trách để giám sát tính hợp hiến của các văn bản dưới luật, việc ủy quyền lập pháp nhưng thiếu kiểm soát dễ dẫn đến tình trạng lạm quyền của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Các quyết định hoặc chính sách không khả thi gây thiệt hại cho người dân thường thiếu cơ chế xác định trách nhiệm pháp lý cụ thể của người ban hành khiến người bị thiệt hại gặp khó khăn khi thực hiện quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với các hành vi vi phạm của người có thẩm quyền. Tình trạng này không chỉ đi ngược lại khoản 2 Điều 14 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

mà còn "gây ảnh hưởng tiêu cực đến nguyên tắc pháp quyền"[12].

4. Kiến nghị hoàn thiện cơ chế kiểm soát ủy quyền lập pháp

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới, việc kiểm soát chặt chẽ hoạt động ủy quyền lập pháp là yêu cầu rất cấp thiết để bảo vệ các quyền con người, quyền công dân khỏi những hành vi can thiệp tùy tiện của các cơ quan hành pháp. Dựa trên các chuẩn mực quốc tế và thực tiễn hoạt động lập pháp tại Việt Nam, bài viết đề xuất các giải pháp sau:

Thứ nhất, thiết lập quy định ngăn chặn "ủy quyền trắng". Cần sửa đổi *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật* năm 2025 (mặc dù mới được ban hành) theo hướng quy định khắt khe và nghiêm ngặt hơn về kỹ thuật soạn thảo các điều khoản ủy quyền. Theo đó, *Luật* cần bổ sung quy định yêu cầu các điều khoản ủy quyền phải xác định rõ ba yếu tố: (1) Xác định rõ giới hạn quyền được thực hiện nhằm đạt được mục tiêu chính đáng nào (quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng) để làm căn cứ cho việc rà soát tính cần thiết. (2) Điều khoản ủy quyền phải xác định ranh giới một cách rõ ràng về các biện pháp mà cơ quan hành pháp được phép quy định hoặc áp dụng. Việc ủy quyền chỉ nên tập trung vào các quy trình, thủ tục mang tính kỹ thuật hoặc hoạt động mang tính tác nghiệp và không được phép giao hết việc xác lập các nội dung giới hạn quyền cho các văn bản dưới luật; (3) Cần thống nhất cách hiểu thuật ngữ "quy định bởi luật" trong các điều khoản giới hạn quyền phải là văn bản do Quốc hội ban hành thông qua một sự giải thích chính thức của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với khoản 2 Điều 14 *Hiến pháp* năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch và khả năng dự báo của pháp luật.

Bên cạnh đó, cần quy định rõ cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết, không được phép tiếp tục ủy quyền cho các cơ quan cấp dưới quy định lại các nội dung đó nhằm tránh làm sai lệch ý chí của cơ quan lập pháp.

Thứ hai, bảo lưu lập pháp đối với các quyền con người cơ bản. Nhằm bảo vệ "không gian tự do" của công dân, cần hạn chế tối đa việc sử dụng luật khung đối với các vấn đề liên quan đến quyền con người. Các đạo luật cần được xây dựng theo kỹ thuật "quy định mật độ cao", nghĩa là Quốc hội phải trực tiếp quy định chi tiết đến mức tối đa đối với các nội dung liên quan đến quyền con người, đặc biệt là các quyền không thể bị đình chỉ. Đối với các quyền cốt lõi về tự do thân thể, quyền sống, quyền không bị tra tấn, luật phải quy định trực tiếp các điều kiện, tiêu chuẩn và trình tự cụ thể trong việc giới hạn quyền. Cơ quan hành pháp không được phép thiết lập các điều kiện mới nhằm làm phát sinh hoặc làm chấm dứt một quyền hiến định thông qua các nghị định hay thông tư. Các biện pháp giới hạn quyền phải được xem xét là những ngoại lệ và phải được giải thích để bảo vệ tính tự chủ của cá nhân.

Thứ ba, tăng cường thẩm quyền giám sát và phán quyết hiến pháp của Tòa án. Để kiểm soát hiệu quả việc thực thi các quyền hạn được ủy quyền của cơ quan hành pháp, cần mở rộng cơ chế kiểm soát tư pháp đối với các văn bản dưới luật. Tòa án phải được xác định là "tấm khiên cuối cùng" để bảo vệ quyền con người, quyền công dân trước sự lạm dụng quyền lực trong lập pháp ủy quyền. Theo đó, cần nghiên cứu trao cho Tòa án quyền xem xét và trực tiếp phán quyết tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản dưới luật có chứa quy phạm giới hạn quyền khi giải quyết các vụ án cụ thể. Đồng thời, cho phép Tòa án quyền tạm dừng thi hành hoặc không áp dụng các văn bản dưới luật có dấu hiệu vượt quá phạm vi ủy quyền hoặc vi phạm tinh thần của luật gốc để bảo vệ quyền lợi của đương sự. Việc trao quyền cho người dân

được yêu cầu Tòa án xem xét tính pháp lý của văn bản dưới luật ngay trong quá trình tố tụng hành chính cũng là một giải pháp cần thiết để kiểm soát quyền lập quy.

5. Kết luận

Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã thiết lập nguyên tắc quan trọng, khẳng định quyền con người, quyền công dân chỉ bị hạn chế theo quy định của luật. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, khoảng cách đáng kể giữa quy định hiến định và hoạt động lập pháp, lập quy, khi luật khung, điều khoản ủy quyền chung chung cùng việc lạm dụng văn bản dưới luật và văn bản hành chính, đặc biệt trong tình huống khẩn cấp. Để khắc phục, cần chuyển mạnh sang cơ chế ủy quyền lập pháp có kiểm soát chặt chẽ thông qua ngăn chặn "ủy quyền trắng", áp dụng kỹ thuật lập pháp mật độ cao và mở rộng kiểm soát tư pháp của Tòa án đối với văn bản dưới luật. Chỉ khi đó, tính tối thượng của *Hiến pháp* mới được thực thi hiệu quả, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền con người, quyền công dân❐

Chú thích:

1. Lương Minh Tuân (2014). *Pháp luật về ủy quyền lập pháp ở Việt Nam - thực trạng và kiến nghị.* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 21(277), kỳ 1, tr. 56.

2. Huong Thi Lan Phan, Kien Trung Doan (2024). *Examining Human Rights Derogation in State Emergencies: Insights from Vietnam's Covid-19 Control Policies.* Journal of Southeast Asian Human Rights, Vol. 8, Issue 1, p. 51.

3. Vu Thi Anh Thu (2023). *Protecting Vietnam's Sovereignty in Cyberspace: Insights from Human Right Laws.* The Age of Human Rights Journal, No. 21, e7778, p. 20.

4. Bùi Tiến Đạt (2015). *Hiến pháp hóa nguyên tắc giới hạn quyền con người: Cần nhưng chưa đủ.* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 06(286), kỳ 2, tr. 6.

5. Đặng Minh Tuấn, Lê Quỳnh Mai (2020). *Giới hạn quyền con người, quyền công dân tại Việt Nam: Nguyên tắc hiến pháp và vấn đề thực thi.* Tạp chí Khoa học Kiểm sát số 5, tr. 53.

6. OHCHR (1966). *International Covenant on Civil and Political Rights.* https://www.ohchr.org, truy cập ngày 24/12/2025.

7. *Anggraeny, Criminalization Based on the Principle of Human Rights Limitation.* Jurnal Hukum Novelty (JHN), Vol. 13, No. 1, p. 101.

8. Lê Quỳnh Mai (2023). *Pháp luật về giới hạn quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay.* Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 54.

9. Vũ Công Giao, Nguyễn Anh Đức (2024). *Giới thiệu Sổ tay quyền hạn khẩn cấp của IDEA quốc tế và một số khuyến nghị cho Việt Nam.* Kỷ yếu hội thảo khoa học: Nguyên tắc pháp quyền trong tình trạng khẩn cấp ở Việt Nam: Nhận thức và thực trạng, tr. 104.

10. *Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong ban hành văn bản lập pháp ủy quyền tại Dự thảo Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sửa đổi).* https://lapphap.vn, ngày 28/10/2025.

11. Kien Tran, Khoi Trong Dao (2024). *Desperate times, desperate measures: an appraisal on Vietnamese law's limitation of rights in the Covid-19 crisis.* Cogent Social Sciences, Vol. 10, no. 1; Article 2350558, 2024, p. 10.

12. Van Thanh Vu (2021). *The Covid-19 Pandemic and Human Rights Limitation: The Role of Trust and Communication in Vietnam.* Asian Review, Vol. 34, No. 2, 2021, Article 6, p. 86.

Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Thị Đào (2018). *Hoàn thiện Luật Tố tụng hành chính bảo đảm quyền con người, quyền công dân.* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 20 (372), kỳ 2, tr. 13.

2. Nguyễn Minh Đoan (2023). *Đòi hỏi cao hơn đối với năng lực và trách nhiệm của người xây dựng pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 03(475), k 1, tr. 10.

3. Trương Hồng Quang (2019). *Quyền của người đồng tính, song tính, chuyển giới và liên giới tính theo pháp luật Việt Nam hiện nay.* Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, tr. 144.

4. Lê Thị Thu Thảo (2019). *Giám sát tư pháp đối với quyền hành pháp ở Pháp và một số kinh nghiệm cho Việt Nam.* Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4 (372), tr. 31.

5. Nguyễn Minh Tuấn (2015). *Giới hạn chính đáng đối với các quyền con người, quyền công dân trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam.* H. NXB Hồng Đức, tr. 218.